

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023 NGUỒN NSDP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2023 của UBND huyện)*

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022	Giải ngân vốn năm 2022 (đến ngày 31/01/2023)	Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>69.713</b>	<b>59.648</b>	<b>10.065</b>	<b>8.753</b>		
<b>A</b>	<b>Chi XDCB tập trung</b>	<b>7.549</b>	<b>4.755</b>	<b>2.794</b>	<b>1.593</b>		
	Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan	2.100	1.645	455	455	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Đường liên xã từ ấp Sóc Dày xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai	416	374	42	42	UBND xã Phước An	vốn phân cấp
	Xây dựng Trường THCS Tân Hiệp	196	156	40	40	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Xây dựng đường Đông Tây xã Tân Khai	23	-	23	23	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Nâng cấp đường sỏi đỏ Xa Trạch Sóc, xã Phước An, huyện Hớn Quản	14	3	11	11	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	1.500	1.454	46	46	UBND xã Minh Đức	
	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dầm – Địa Hạt, xã Thanh An	200	-	200	200	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An	100	-	100	100	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Minh Đức	3.000	1.123	1.877	676	UBND xã Minh Đức	vốn phân cấp
<b>B</b>	<b>Vốn sử dụng đất tỉnh phân cấp</b>	<b>21.881</b>	<b>16.283</b>	<b>5.598</b>	<b>5.598</b>		
	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	1.900	1.608	292	292	Ban QLDA ĐTXD huyện	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022	Giải ngân vốn năm 2022 (đến ngày 31/01/2023)	Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)	Kế hoạch vốn năm 2022 kép dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Xây dựng nhà vệ sinh xã Phước An, huyện Hớn Quản	33	-	33	33	UBND xã Phước An	vốn phân cấp
	Nâng cấp nhà làm việc công an xã Phước An, huyện Hớn Quản	8	-	8	8	UBND xã Phước An	vốn phân cấp
	Xây dựng mương thoát nước ấp Trường Thịnh, xã Phước An	112	-	112	112	UBND xã Phước An	vốn phân cấp
	Đường nhựa từ ấp 23 Nhỏ đi ấp Trường An, xã Phước An, huyện Hớn Quản	35	-	35	35	UBND xã Phước An	
	Đường nhựa từ ấp Xa Trạch 2 đi ấp Tranh 1, xã Phước An, huyện Hớn Quản	205	189	16	16	UBND xã Phước An	
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Phước An	32	19	13	13	UBND xã Phước An	
	Đầu tư trang thiết bị cho các trường học (đảm bảo đạt chuẩn quốc gia)	1.000	-	1.000	1.000	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
	Xây dựng đường Đông Tây 9	7.978	7.837	141	141	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	1.288	-	1.288	1.288	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Xây Dựng Đường từ ấp Sở Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân	5.000	4.914	86	86	UBND xã Tân Hưng	
	Xây dựng cổng hàng rào TTVH huyện	3.000	1.716	1.284	1.284	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	XD Trường Tiểu học Đồng Nơ (giai đoạn 2)	690	-	690	690	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	XD đường Đông Tây 5 TTHC huyện	600	-	600	600	Ban QLDA ĐTXD huyện	
<b>C</b>	<b>Vốn tỉnh hỗ trợ 20 phòng học</b>	<b>4.500</b>	<b>4.209</b>	<b>291</b>	<b>291</b>		
	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi	1.000	850	150	150	Ban QLDA (vốn XSKT)	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022	Giải ngân vốn năm 2022 (đến ngày 31/01/2023)	Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)	Kế hoạch vốn năm 2022 kép dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp	1.000	991	9	9	Ban QLDA ĐTXD huyện (vốn XSKT)	
	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng	1.000	870	130	130	Ban QLDA ĐTXD huyện(vốn XSKT)	
	Xây dựng Trường Mầm non Minh Đức	1.500	1.498	2	2	Ban QLDA ĐTXD huyện (vốn XSKT)	
<b>D</b>	<b>Vốn các Chương trình MTQG</b>	<b>35.783</b>	<b>34.401</b>	<b>1.382</b>	<b>1.271</b>		
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi</b>	<b>558</b>	<b>-</b>	<b>558</b>	<b>558</b>		
<b>1</b>	<b>Vốn Ngân sách tỉnh</b>	<b>546</b>	<b>-</b>	<b>546</b>	<b>546</b>		
*	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>524</b>	<b>-</b>	<b>524</b>	<b>524</b>		
	<b>Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		
	<b>Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		
	Sửa chữa nhà ở xã Tân Hiệp (02 căn)	4	-	4	4	UBND xã Tân Hiệp	vốn phân cấp
	<b>Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt</b>	<b>520</b>	<b>-</b>	<b>520</b>	<b>520</b>		
	<b>Công trình khởi công mới phân cấp xã quản lý</b>	<b>520</b>	<b>-</b>	<b>520</b>	<b>520</b>		
	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Phùm Lu - Tư Luy xã Thanh An	260	-	260	260	UBND xã Thanh An	vốn phân cấp
	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Địa hạt - Sóc Dầm xã Thanh An	260	-	260	260	UBND xã Thanh An	vốn phân cấp
**	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>	<b>22</b>	<b>-</b>	<b>22</b>	<b>22</b>		
	<b>Vốn phân cấp xã quản lý</b>	<b>22</b>	<b>-</b>	<b>22</b>	<b>22</b>		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022	Giải ngân vốn năm 2022 (đến ngày 31/01/2023)	Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)	Kế hoạch vốn năm 2022 kép dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tư liệu sản xuất phục vụ dệt thổ cẩm ấp 5, xã An Khương	11	-	11	11	UBND xã An Khương	vốn phân cấp
	Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tư liệu sản xuất phục vụ dệt thổ cẩm ấp Trà Thanh – Lò Ô xã Thanh An	11	-	11	11	UBND xã Thanh An	vốn phân cấp
<b>2</b>	<b>Vốn đối ứng ngân sách huyện từ vốn sử dụng đất tỉnh phân cấp</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>12</b>	<b>12</b>		
	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>12</b>	<b>12</b>		
	<b>Vốn phân cấp xã quản lý</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>12</b>	<b>12</b>		
	Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tư liệu sản xuất phục vụ dệt thổ cẩm ấp 5, xã An Khương	6	-	6	6	UBND xã An Khương	vốn phân cấp
	Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tư liệu sản xuất phục vụ dệt thổ cẩm ấp Trà Thanh – Lò Ô xã Thanh An	6	-	6	6	UBND xã Thanh An	vốn phân cấp
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</b>	<b>35.225</b>	<b>34.401</b>	<b>824</b>	<b>713</b>		
<b>1</b>	<b>Vốn Ngân sách tỉnh</b>	<b>18.500</b>	<b>17.760</b>	<b>740</b>	<b>629</b>		
	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	7.200	6.737	463	463	UBND xã Minh Đức	
	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ đốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	4.500	4.451	49	49	UBND xã Minh Đức	
	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	3.300	3.229	71	71	UBND xã Minh Đức	
	XD đường nhựa từ trung tâm xã đi ấp 4	3.500	3.343	157	46	UBND xã Đồng Nơ	
<b>2</b>	<b>Vốn đối ứng ngân sách huyện từ vốn sử dụng đất tỉnh phân cấp</b>	<b>16.725</b>	<b>16.641</b>	<b>84</b>	<b>84</b>		

<b>STT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2022</b>	<b>Giải ngân vốn năm 2022 (đến ngày 31/01/2023)</b>	<b>Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)</b>	<b>Kế hoạch vốn năm 2022 kép dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023</b>	<b>Chủ đầu tư</b>	<b>Ghi chú</b>
	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	1.400	1.367	33	33	UBND xã Minh Đức	
	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 xã Tân Hưng	2.200	2.178	22	22	UBND xã Tân Hưng	
	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 vào xã Phước An	13.125	13.096	29	29	Ban QLDA ĐTXD huyện	